

Bản án số: 352/2018/HS-ST

Ngày: 09-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Việt Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Lê Nguyên Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 481/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4235/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Đặng Thị Mỹ H. (tên gọi khác: T.), sinh ngày 13 tháng 9 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số X, đường Y, phường Z, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Đình C. và bà Đặng Thị Thúy O.; hoàn cảnh gia đình: có chồng (không xác định rõ) và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/7/2017 (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Đức T., sinh năm 1985

Thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Chỗ ở: Số X3, đường Y3, phường Z3, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Th., sinh năm 1982

Thường trú: Số X4, đường Y4, phường Z4, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Số X5, đường Y5, phường Z5, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Th2., sinh năm 1958

Thường trú: Số X6, đường Y6, phường Z6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Số X7, đường Y7, xã Z7, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Ông Đỗ Tuấn A., sinh năm 1979

Thường trú: Số X8, đường Y8, phường Z8, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người bào chữa:

Ông Hà Ngọc Tuyên, luật sư của Văn phòng luật sư Hà Tuyên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Mỹ H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 12 giờ 10 phút ngày 30/7/2017, tại trước nhà số X9, đường Y9, phường Z9, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bắt quả tang Đặng Thị Mỹ H. đang cất giấu trái phép chất ma túy, thu trong túi váy che nắng H. đang mặc có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 24,8681g, loại Methamphetamine (MA); Khám xét nơi ở của H. tại số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ trong góc phòng ngủ ở lầu 1: 08 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 34,4522g, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa chất bột màu nâu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,5913g, loại Ketamine; thu tại gác lửng lầu 1, 01 hộp giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 123,8237g, loại MA (Kết luận giám định số 1324/KLGĐ-H ngày 22/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Quá trình điều tra, Đặng Thị Mỹ H. khai nhận có hoạt động mua bán ma túy được 02 tuần đến khi bị bắt. Nguồn ma túy H. mua của một người đàn ông tên Ph. (không rõ lai lịch), tổng cộng H. mua 03 lần, 02 lần đầu mua ma túy đá, mỗi lần mua với giá 18.200.000 đồng, lần thứ 3 vào ngày 29/7/2017, H. mua 10 gói ma túy đá với giá 18.200.000 đồng, giao nhận ma túy tại quán cà phê S., huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh về cất giấu tại nơi ở để bán. Lúc 12

giờ 00 phút ngày 30/7/2017, có Bèo (không rõ lai lịch) điện thoại cho H. hỏi mua 25 gam ma túy đá với giá 10.000.000 đồng, hẹn giao ma túy tại khu vực trước cổng bệnh viện Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, H. lấy ra 02 gói ma túy đá đã mua của Ph. ngày 29/7/2017 trộn chung lại bỏ vào 01 túi nylon, để trong bao thư và cất gói ma túy trong túi váy chống nắng rồi điều khiển xe mô tô đi đến điểm hẹn nhưng khi đi đến trước số X9, đường Y9, phường Z9, Quận 12 thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là ma túy bị thu giữ. Khám xét chỗ ở của H., thu giữ 08 gói ma túy còn lại có khối lượng 34,4522, loại MA. Riêng số ma túy khám xét tại nơi ở của H. gồm: 01 gói ma túy loại Ketamine có khối lượng 5,5913g (thu trong bóp vải, để trong phòng ngủ lầu 1) và 01 hộp giấy bên trong chứa 01 gói ma túy đá, có khối lượng 123,8237g, loại MA (thu tại gác lửng lầu 1) là của Nguyễn Bá H2. (bạn trai của H.) trước khi đi thi hành án phạt tù để lại ở nhà trọ cũ. Vào tháng 6/2016, khi H. dọn đồ từ nhà cũ sang nơi ở mới, H. đã mang theo và cất giấu tại nơi ở thì bị khám xét thu giữ. Sau đó, H. thay đổi lời khai: Cùng mua bán ma túy với H. còn có Nguyễn Thị Th. (người ở cùng nhà với H.), cụ thể: Nguồn ma túy do Th. mua về rồi giao cho H. đi bán kiếm lời. Thu trả công cho H. bằng cách chi trả toàn bộ chi phí sinh hoạt, ăn, ở và trả tiền thuê nhà. Khi có khách hỏi mua ma túy, sẽ liên lạc trực tiếp với H., H. nói cho Th. biết và Th. sẽ đưa ma túy cho H. đi bán. Tổng cộng, H. đã đi bán ma túy cho Th. được 05 lần, trong đó bán cho đối tượng tên Hải (không rõ lai lịch) 02 lần ở khu vực đường Đ., xã T., huyện Hóc Môn, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng; 01 lần bán cho “Bèo” (không rõ lai lịch) 02 lần ở khu vực đường Đ., xã T., huyện Hóc Môn, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng; 01 lần bán cho M., mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 10 triệu đồng. Lần cuối cùng vào ngày 30/7/2017, khi H. đang ở nhà thì Bèo điện thoại hỏi mua 25 gam ma túy đá với giá 10.000.000 đồng, H. hỏi Th. còn ma túy không thì Th. trả lời còn, sau đó Th. bỏ ma túy vào bao thư đưa cho H. mang đi bán cho Bèo, H. hẹn giao ma túy cho Bèo tại khu vực cổng bệnh viện Quận Q. Thỏa thuận xong, H. cất giấu gói ma túy vào trong túi váy chống nắng và đi đến điểm hẹn, khi đi đến trước nhà số X9, đường Y9, phường Z9, Quận 12 thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là 24,8681g, loại MA, còn lại 08 gói ma túy đá bị khám xét thu giữ tại nơi ở của H.. Số ma túy Ketamine có khối lượng 5,5913g và 123,8237g, loại MA bị khám xét thu giữ là của bạn trai tên Nguyễn Bá H2. trước khi đi tù đã để lại nên khi chuyển nơi ở H. mang theo cất giấu tại chỗ ở mới từ tháng 6/2016.

Nguyễn Thị Th. khai: Thu là người đứng ra thuê căn nhà số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12 và ở cùng Đặng Thị Mỹ H. và bạn trai tên Đỗ Đức T. Đặc điểm căn nhà gồm 01 trệt, 01 lầu. Lầu trệt có 01 phòng khách và 01 phòng bếp sử dụng chung. Lầu 1 có 01 phòng ngủ, trong đó, phòng thứ nhất ở khu vực phía trước cầu thang có 01 tấm nệm nếu có khách đến thì để ngủ và dùng để phơi đồ và để vật dụng. Phòng thứ hai nằm ở phía trong. Cả 02 phòng đều không có khóa nên Th. và H. dùng chung và ngủ chung tại cả 02 phòng. Riêng T. (bạn trai của Th.) và Th2. (cháu của Th.) thỉnh thoảng mới về. Còn riêng gác xép đằng

phía trên cầu thang giữa 02 phòng ngủ ở lầu 1 là nơi ở để vật dụng cũ của H2. (em trai của Th.) và H.. Thu chỉ cho H. ở nhờ và không có mua bán ma túy cùng với H.. Toàn bộ số ma túy bị thu giữ là của H.. Tiến hành cho đối chất giữa Th. và H., Thu vẫn không thừa nhận. Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành mời Đỗ Tuấn A. đến trụ sở để làm rõ lời khai của H. về hành vi mua bán ma túy của Nguyễn Thị Th. Tuấn A. khai có quen biết với Th. và biết Th. có bán ma túy nên ngày 20/7/2017, Tuấn A. có đến nhà của Th. để gặp Th. và mua của Th. 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng để sử dụng. Tiến hành cho Tuấn A. đối chất với Th. nhưng Th. vẫn không thừa nhận có bán ma túy cho Tuấn A. Do chỉ có lời khai của Tuấn A., ngoài ra không còn chứng cứ khác chứng minh việc mua bán trên. Nên không có cơ sở để xác định việc mua bán ma túy giữa Thu và Tuấn A. cũng như không có căn cứ xác định Th. đã thuê H. bán ma túy như H. đã khai.

Nguyễn Đức T. khai sống như vợ chồng với Th., T. và Th. cùng ở chung nhà với H. tại số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. T. không biết H. mua bán ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy trong nhà cũng như T. không tham gia mua bán ma túy với H.. Lời khai của T. phù hợp với T. và H. nên không có cơ sở xác định T. có liên quan đến vụ án.

Nguyễn Bá H2. (hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Thủ Đức trong 01 vụ án khác) khai có quen biết với H. nhưng không thuê nhà chung sống với H., H2. không biết H. mua bán ma túy và cất giấu ma túy tại nhà thuê, số ma túy thu giữ của H. tại nơi ở của H. không phải của H2. để lại như H. khai. Do đó, không có cơ sở buộc H2. phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy thu tại nơi ở của H..

Kiểm tra dữ liệu tin nhắn và các cuộc gọi trong điện thoại di động của H., kết quả trong điện thoại của H. có thể hiện các số điện thoại thể hiện các cuộc gọi và tin nhắn giao dịch mua bán ma túy giữa H. với “Bèo”, số thuê bao 0902.552.921 và với H3. có số thuê bao 0935.140.631. Trong khi kiểm tra dữ liệu tin nhắn và các cuộc gọi trong điện thoại của Th. không thể hiện các cuộc gọi và tin nhắn giao dịch mua bán ma túy giữa Th. và H. và giữa Th. với các đối tượng tên “Bèo”, H3. và Tuấn A. Mặt khác, căn cứ lời khai ban đầu của H. đã có đủ căn cứ xác định H. phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với toàn bộ số ma túy bắt quả tang H. thu giữ và số ma túy khám xét nơi ở của H. thu giữ là 188,7353g ma túy ở thể rắn, loại MA và Ketamine. Việc H. khai số ma túy gồm 5,5913g Ketamine và 123,8237g Methamphetamine thu giữ tại nơi ở là của H2. chỉ nhằm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà H. phải chịu.

Đối với các đối tượng tên Ph., Bèo, H3., do H. khai không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, truy tìm để xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 330/CTr-VKS- P1 ngày 09/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng Thị Mỹ H. về tội

“Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Thị Mỹ H. từ 15 năm đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung 10 triệu đồng.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư Hà Ngọc Tuyên trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo H.: Nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H.. Tuy nhiên, luật sư cũng nêu nguyên nhân, động cơ, hoàn cảnh dẫn đến việc bị cáo phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng 24,8681g ma túy loại Methamphetamine bị bắt quả tang, còn khối lượng ma túy còn lại khi khám xét thu giữ yêu cầu phải điều tra làm rõ thêm. Ngoài ra, luật sư nêu các tình tiết giảm nhẹ để xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo H..

Bị cáo H. thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo khai số ma túy mà bị cáo mua bán là của Nguyễn Thị Thu đưa và số ma túy thu giữ trên gác là của Nguyễn Bá H2..

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án xét đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 30/7/2017, tại trước nhà số X9, đường Y9, phường Z9, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Đặng Thị Mỹ H. có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy, thu trong túi váy che nắng H. đang mặc có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 24,8681g, loại Methamphetamine (MA); Sau đó, tiến hành khám xét nơi ở của H. tại số X2, đường Y2, phường Z2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ trong góc phòng ngủ ở lầu 1: 08 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 34,4522g, loại Methamphetamine và 01 gói nylon chứa chất bột màu nâu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 5,5913g, loại Ketamine; thu tại gác lửng lầu 1, 01 hộp giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu có khối lượng 123,8237g, loại MA (Kết luận giám định số 1324/KLGD-H ngày 22/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo H. khai nhận có hoạt động mua bán ma túy được 02 tuần đến khi bị bắt. Nguồn ma túy H. mua của một người đàn ông tên Ph. (không rõ lai lịch), tổng cộng H. mua 03 lần, sau đó đem về cất giấu tại nơi ở để bán và số ma túy trên gác xép là của H2.. Bị cáo sau khi dọn nhà của H2. đã đem về cất. Sau đó, bị cáo H. thay đổi lời khai cho rằng số ma túy thu giữ trong phòng là của Th., H. thuê Thu mua bán ma túy, tuy nhiên, căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét (BL.40-41) đã thể hiện qua việc khai nhận của bị cáo tại phần ghi nhận ý kiến đương sự do tự bị cáo viết và ký tên *“số ma túy và dụng cụ trong phòng ngủ do tôi mua về bán, số ma túy và dụng cụ trên gác lửng do tôi nhặt về để đó”*, với đầy đủ sự chứng kiến của mọi người. Xét thấy quá trình điều tra đã thể hiện không có cơ sở xác định số ma túy thu giữ trong phòng ngủ là của Th. cũng như việc H. khai Th. thuê H. mua bán ma túy, quá trình lấy lời khai của H2. cũng không có cơ sở buộc số ma túy ở gác xép là của H2.. Bị cáo H. bị bắt khi đang mua bán ma túy, bị cáo không phải là đối tượng nghiện ma túy để tàng trữ ma túy sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ khối lượng ma túy khi bắt khám xét và không chấp nhận lời bào chữa của luật sư.

Với hành vi như đã nêu trên của bị cáo xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì lợi nhuận bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, đây là hành vi mà pháp luật nghiêm cấm. Hành vi phạm tội của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, đến sức khỏe của con người, làm lây lan tệ nạn nghiện ngập trong xã hội mà còn gây khó khăn trong việc phòng chống tội phạm về ma túy và các tội phạm, tệ nạn khác.

Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Căn cứ vào số lượng ma túy mà bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán, cụ thể bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng ma túy ở thể rắn loại MA và Ketamine là 188, 7353gram (gồm 24,8681 gram thu giữ khi bị bắt quả tang và 163,8672 gram thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo H.) nên cần áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Khi lượng hình cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số: 1324/17/PC47 (gói 1, gói 2, gói 3) có chữ ký niêm phong của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC54) và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc (PC47), bên trong là ma túy còn lại sau giám định, là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cân tiểu ly điện tử cũ; 01 bóp bằng vải; 01 hộp bằng giấy; 50 túi nylon kích thước 15x10cm chưa sử dụng; 10 túi nylon kích thước 5x10cm chưa sử dụng; 01 bình nhựa có gắn nỏ và ống hút; 01 bình gas mini; 01 chai nhựa cắt xéo một đầu và 03 ống nhựa cắt xéo một đầu, là vật chứng không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen; Nhãn hiệu: Honda; Loại xe: 02 bánh; Số loại: AirBlade; BS: 50N1-034.46; SK: RLHJF4612E2702639 (ghi theo số cà); SM: JF46E-7502694 (ghi theo số cà), là của bà Nguyễn Thị Th2. đứng tên chủ sở hữu. Bà Th2. cho Th. (con ruột) mượn xe trên để sử dụng và Th. cho bị cáo H. mượn đi công việc. Thu không biết H. sử dụng xe trên vào việc đi bán ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Th2..

- Đối với 08 Viên đạn cỡ 6,35mm x 15,6mm (04 viên ký hiệu “CCI-R-AUTO-25-Z” và 04 viên ký hiệu “G.F.L-6.35” là đạn quân dụng. Hội đồng xét đề nghị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Phòng quản lý vũ khí quân dụng Công an Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với 01 cái Điện thoại di động Iphone màu trắng cũ, số imei: 354388061422615, có gắn 01 simcard, là điện thoại của bị cáo H., không liên

quan đến hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo H., nhưng cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 cái điện thoại di động Nokia màu đen cũ, số imei 1: 354890083465647 và số imei 1: 354890083465654, có gắn 02 simcard, của bị cáo Đặng Thị Mỹ H., là phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 cái điện thoại di động Nokia màu trắng cũ, số Imei 1: 353678/07/216958/0 và số Imei 2: 353678/07/216959/8, có gắn 02 simcard và 01 cái điện thoại di động Vega màu đen cũ, số Imei 356172053020894, có gắn 01 simcard, là của bà Nguyễn Thị Th. dùng để liên lạc, không phải là phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Th.

- Đối với 01 cái điện thoại di động Iphone màu đen cũ, không rõ số Imei, có gắn 01 sim card và 01 điện thoại di động Nokia màu đen cũ, số Imei 1: 354813/01/713821/3, không có simcard, là của ông Nguyễn Đức T., không phải là phương tiện phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho ông Nguyễn Đức T.

- Đối với 217.000 đồng thu giữ của bị cáo H.. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tiền cá nhân của bị cáo H. nên trả lại cho bị cáo H., nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 500.000 đồng thu giữ của ông Đỗ Tuấn Anh. Ông Tuấn A. khai là tiền dùng để mua ma túy để sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đặng Thị Mỹ H. (tên gọi khác: T.)** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Mỹ H. 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2017.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Đặng Thị Mỹ H. nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thủy:

+ 01 (một) chiếc xe hai bánh gắn máy màu đen; Nhãn hiệu: Honda; Loại xe: 02 bánh; Số loại: AirBlade; BS: 50N1-034.46; SK: RLHJF4612E2702639 (ghi theo số cà); SM: JF46E-7502694 (ghi theo số cà).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Th.:

+ 01 (một) cái điện thoại di động Nokia màu trắng cũ, số Imei 1: 353678/07/216958/0 và số Imei 2: 353678/07/216959/8, có gắn 02 simcard và 01 (một) cái điện thoại di động Vega màu đen cũ, số Imei 356172053020894, có gắn 01 simcard.

- Trả lại cho ông Nguyễn Đức T.:

+ 01 (một) cái điện thoại di động Iphone màu đen cũ, không rõ số Imei, có gắn 01 sim card và 01 (một) cái điện thoại di động Nokia màu đen cũ, số Imei 1: 354813/01/713821/3, không có simcard.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Mỹ H.:

+ 01 (một) cái điện thoại di động Iphone màu trắng cũ, số imei: 354388061422615, có gắn 01 simcard, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ 217.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 20/7/2018).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) cái điện thoại di động Nokia màu đen cũ, số imei 1: 354890083465647 và số imei 2: 354890083465654, có gắn 02 simcard.

+ 500.000 đồng (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 20/7/2018)

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 03 (ba) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số: 1324/17/PC47 (gói 1, gói 2, gói 3) có chữ ký niêm phong của giám định viên Phan Tấn Quốc (PC54) và điều tra viên Nguyễn Văn Phúc (PC47), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

+ 01 (một) cân tiểu ly điện tử cũ; 01 (một) cái bóp bằng vải; 01 (một) cái hộp bằng giấy; 50 (năm mươi) túi nylon kích thước 15x10cm chưa sử dụng; 10 (mười) túi nylon kích thước 5x10cm chưa sử dụng; 01 (một) bình nhựa có gắn nỏ và ống hút; 01 bình gas mini; 01 chai nhựa cắt xéo một đầu và 03 ống nhựa cắt xéo một đầu.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 378/18 ngày 15/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Đề nghị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Phòng quản lý vũ khí quân dụng Công an Thành phố Hồ Chí Minh xử lý theo thẩm quyền đối với:

+ 08 (tám) Viên đạn cỡ 6,35mm x 15,6mm (04 viên ký hiệu “CCI-R-AUTO-25-Z” và 04 viên ký hiệu “G.F.L-6.35”.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - TAND cấp cao tại Tp.HCM | (1) |
| - VKSND cấp cao tại Tp.HCM | (1) |
| - VKSND Tp.HCM; | (3) |
| - Cục THA DS Tp.HCM; | (1) |
| - Sở Tư pháp Tp.HCM; | (1) |
| - Trại giam; | (4) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Người bào chữa; | (1) |
| - THAHS TAND TP.HCM; | (2) |
| - Phòng PC 53 - CA TP.HCM; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Việt Tiên